TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 15/4/2022
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cảm.

2. Ông Trần Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 751/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T - Sinh năm 1972 (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường A, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông H – Sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường A, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà T trình bày có nội dung như sau:

Tôi (T) và ông H tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/6/2004. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại số B đường A, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tôi và ông H chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay và không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Tôi và ông H có một con chung là cháu V - sinh ngày 20/3/2005.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V cho đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung : Tôi không yêu cầu ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông H, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà T. Chấp nhận bà T được ly hôn với ông H. Chấp nhận giao con chung cháu V - sinh ngày 20/3/2005 cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng

thành. Bà T không yêu cầu ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn ông H. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/6/2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số I). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà T và ông H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Bà T và ông H sinh sống tại số B, đường A, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Bà T có báo với chính quyền địa phương và yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải. Tuy nhiên ông H thường xuyên vắng nhà nên địa phương không tổ chức hòa giải được. Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho ly hôn với ông H thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để làm việc, hòa giải đoàn tụ nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông H, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà T và ông H có một con chung là cháu V - sinh ngày 20/3/2005. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V cho đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu V có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (bà T), vì bà T là người thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, cần giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi cháu V.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao con chung cháu V - sinh ngày 20/3/2005 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông H, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu V.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thu ột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0009764 ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường K, TP.BMT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương